

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 05-6-2026

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Tú

Bà Hoàng Thị Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: bà Hoàng Ngọc Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị L**, sinh năm 1997 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn G, xã K, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cước công dân số: 024197000214

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn Q**, sinh năm 1994 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn G, xã K, tỉnh Bắc Ninh.

Số căn cước công dân: 024094014931

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn Q kết hôn với nhau năm 2016 trên cơ sở tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND

xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã K, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn G, xã K, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống ban đầu hòa thuận hạnh phúc nhưng đến tháng 12/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, to tiếng, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2026 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn Q có 01 con chung là cháu Hoàng Tuấn T, sinh ngày 07/5/2017, hiện cháu đang ở cùng anh Q. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

** Bị đơn anh Hoàng Văn Q trình bày tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 22/4/2026:* Anh và chị Trần Thị L kết hôn với nhau năm 2016 trên cơ sở tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã K, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn G, xã K, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống hạnh phúc, thi thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhặt do vợ chồng bất đồng quan điểm nhưng không có gì căng thẳng. Tháng 3/2026 chị L chuyển về nhà ngoại sinh sống, anh có sang gặp động viên chị L về nhà nhưng chị L không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn còn yêu thương chị L và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Chị L xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là cháu Hoàng Tuấn T, sinh ngày 07/5/2017, hiện cháu đang ở cùng anh. Vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản ghi lời khai, cháu Hoàng Tuấn T trình bày: Cháu có nguyện vọng ở với bố Hoàng Văn Q.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Trần Thị L và bị đơn anh Hoàng Văn Q đều giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư

ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 6, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn Q.

- Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hoàng Tuấn T, sinh ngày 07/5/2017.

- Do các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị L có đơn xin ly hôn, giải quyết về nuôi dưỡng con chung đối với anh Hoàng Văn Q. Bị đơn anh Hoàng Văn Q có hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã K, tỉnh Bắc Ninh. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét quan hệ hôn nhân thì thấy: Chị Trần Thị L kết hôn với anh Hoàng Văn Q trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã K, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 22 tháng 01 năm 2016. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn Q là hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy rằng: Chị L và anh Q đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân căng thẳng, trầm trọng, chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh Q nên có nguyện vọng được ly hôn. Mặc dù anh Q mong muốn vợ chồng đoàn tụ,

nhưng anh Q cũng không có giải pháp gì để cải thiện đời sống chung vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải về tình cảm vợ chồng giữa các đương sự nhưng chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy, chị L và anh Q đều đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng là phải thương yêu, chăm sóc cho nhau, chung sống cùng nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn anh Q theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Xác nhận chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn Q có 01 người con chung là cháu Hoàng Tuấn T, sinh ngày 07/5/2017, hiện anh Q đang trông nom, chăm sóc. Sau khi ly hôn, chị L, anh Q đều có nguyện vọng được trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hội đồng xét xử thấy, nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị L, anh Q là hoàn toàn chính đáng, cả hai có điều kiện nuôi dưỡng con như nhau, tuy nhiên kể từ khi vợ chồng sống ly thân, anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, nguyện vọng của cháu T là được ở cùng bố. Do đó, cần giao Hoàng Tuấn T, sinh ngày 07/5/2017 cho anh Hoàng Văn Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật.

Sau khi ly hôn chị Trần Thị L có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn Q không đề nghị xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều

81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Tuấn T, sinh ngày 07/5/2017 cho anh Hoàng Văn Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Trần Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002201 ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Trần Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị L và bị đơn anh Hoàng Văn Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vi Thị Tú

Hoàng Thị Chung

Nguyễn Văn Hiếu